

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 416/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng T; nơi cư trú: Số 103/128 T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T; nơi ĐKKHKT: Số 103/128 T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 46 N, phường 4, thành phố V, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày: Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyển số 01 ngày 15/4/1992 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố Hải Phòng. Đến nay, vợ chồng đã có 01 con chung.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2008 đến nay, chị T đã bỏ nhà đi vào thành phố V, tỉnh V để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 22/10/199X đến nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B, chị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hồng T có thời gian tìm hiểu khoảng gần 02 năm thì tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận L, thành phố Hải Phòng vào năm 1992 trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong tất cả các công việc của gia đình. Ngoài ra do anh T không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn để phụ giúp kinh tế cho vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không chịu thay đổi khiến cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Đến cuối năm 2008 thì chị chuyển vào V sinh sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 22/10/199X đến nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị Trần Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều 8, 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Hồng T được ly hôn chị Trần Thị T.
- Về con chung: Hai bên có 01 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 22/10/199X đến nay đã thành niên nên không đề nghị xem xét.
- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.
- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn trình bày của anh T và biên bản lời khai ngày 22/7/2019 thể hiện chị T hiện cư trú tại số 46 N, phường 4, thành phố V, tỉnh B. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân quận Lê Chân giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị và anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Hồng T và chị Trần Thị T tuân thủ đúng quy định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều xác nhận thời gian chung sống, vợ chồng có nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống tính cách không hợp nhau nên không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2008 đến nay, chị T đã chuyển vào V sinh sống và vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, yêu cầu của anh T được ly hôn với chị T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế qua xác minh tại chính quyền địa phương cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Hai bên có 01 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 22/10/199X đến nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Hồng T và chị Trần Thị T.

- Về án phí: Anh Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên anh T đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013174 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 15/4/1992);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Nam Ninh